

Bản án số: **106/2017/HSST**
Ngày 27 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Bích Ngọc***

** Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Nguyễn Đức Hòa**

2- Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyên**

** Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: ông **Hồ Hải Đăng**, Kiểm sát viên.*

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2017/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/HSST-QĐ ngày 08/11/2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Minh N (tên gọi khác: Lê Hoàng N, T)**; sinh năm 1972 tại Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: khóm K, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V, sinh năm 1950 và bà Trần Thị M, sinh năm 1951; có 02 người con (sinh năm 1994 và 2001); tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam tính kể từ ngày 19/7/2017 (có mặt).

- Người bị hại: Ông Huỳnh Hữu L; sinh năm 1952; trú tại: số 222 (54 cũ), B, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T, sinh năm 1979; trú tại: đường K, khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Minh N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 26/10/2006, ông Huỳnh Hữu L cùng với Lê Văn T và Lê Minh N, sinh năm 1972, trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau để nhận số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông L lấy 50.000.000 đồng để sử dụng, còn lại 350.000.000 đồng giao cho Lê

Minh N giữ và cùng T đem về nhà ông L tại khóm K, phường N, thành phố B. Trên đường về, N thấy số tiền lớn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, đến khoảng 02 giờ sáng ngày 27/10/2006, N lấy số tiền 350.000.000 đồng và dùng thủ đoạn gian dối là bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành Tạm giữ, Tạm giam số 94/2015/QH13 đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại là ông Huỳnh Hữu L xác định đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại và không đặt ra yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T xác định chị thay mặt gia đình giao nộp số tiền bồi thường cho người bị hại và không đặt ra yêu cầu gì đối với bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo và chị T xác định có cha là cựu chiến binh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

[1] Trong ngày 26/10/2006, Lê Minh N được ông Huỳnh Hữu L giao gửi giữ số tiền 350.000.000 đồng; sau khi nhận giữ số tiền này N đã chiếm đoạt rồi dùng thủ đoạn gian dối là bỏ trốn và nhắn lại với ông L rằng N mượn số tiền này, đồng thời thay đổi thông tin cá nhân nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, hành vi của N đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Xét bị cáo Lê Minh N đã lợi dụng lòng tin của ông Huỳnh Hữu L, sau khi được ông L giao gửi giữ số tiền 350.000.000 đồng đã chiếm đoạt và dùng thủ đoạn gian dối là bỏ trốn, đồng thời nhắn lại với ông L rằng bị cáo mượn ông L số tiền này, sau đó bị cáo đã sử dụng thông tin giả tên là Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1971, cư trú ở các địa bàn như ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh

Hậu Giang; số BT3F, đường B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với ông L và trốn tránh sự truy nã của cơ quan điều tra. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên trong tình trạng đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, loại tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời các lời khai của bị cáo và người bị hại đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong giai đoạn điều tra và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc truy tố đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức sống lệch lạc, xem thường pháp luật, ham hưởng thụ nhưng lười lao động. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để không chỉ có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn mang tính phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực tác động với gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra cho ông L và ông L có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đủ điều kiện được xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để hạ khung hình phạt cho bị cáo và áp dụng chính sách hình sự mới có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, việc bị cáo và chị T xác định có cha là cựu chiến binh, là người có công với cách mạng mà không xuất trình được tài liệu nào chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của kiểm sát viên về việc áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: do đại diện gia đình bị cáo là chị Lê Thị T đã bồi thường toàn bộ tổn thất cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, chị T không đặt ra yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành Tạm giữ, Tạm giam số 94/2015/QH13.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh N 03 (ba) năm** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 19/7/2017.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo **Lê Minh N** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bu;
- Sở tư pháp
- Công an TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự
- Tp. B;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu.

Trần Bích Ngọc